

PHỤ LỤC

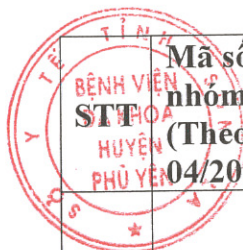
Danh mục: Vật tư y tế năm 2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La  
(Kèm theo Thông báo số: 872/TB-BV ngày 26/9/2024 của Bệnh viện Đa khoa huyện Phù Yên)



Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
N01.00.000	<b>Nhóm 1. Băng, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương</b>				
N01.01.000	<b>1.1 Băng</b>				
N01.01.010	<i>Băng (gòn), băng tằm dung dịch các loại, các cỡ</i>				
1 N01.01.010	Băng thấm nước	Băng hút nước (100% cotton) màu trắng, không bụi bẩn - Tốc độ hút nước ≤ 5s - Độ acid bazơ: trung tính - Chất tan trong ether: ≤ 0,5% - Độ ẩm: ≤ 8% - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Kg	300	
2 N01.01.010	Băng gạc đắp vết thương 10 x 20cm vô trùng	2 lớp gạc không dệt (70% viscose và 30% polyester) và bông (100% cotton) ở giữa màu trắng, không bụi bẩn - Tốc độ hút nước ≤ 5s - Độ acid bazơ: trung tính - Chất tan trong ether: ≤ 0,5% - Độ ẩm: ≤ 8% - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	2.000	
N01.02.000	<b>1.2 Dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương</b>				



Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	<i>N01.02.010</i>	<i>Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại</i>			
3	N01.02.010	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Lít	500	
4	N01.02.010	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Lít	200	
	<i>N01.02.020</i>	<i>Dung dịch rửa vết thương các loại</i>			
5	N01.02.020	Cồn 90 độ	Lít	200	
6	N01.02.020	Cồn 70 độ	Lít	2.000	
	<i>N01.02.030</i>	<i>Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại</i>			
7	N01.02.030	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ	Lít	120	



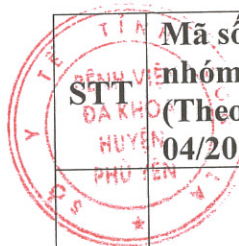
	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
8	N01.02.030	Dung dịch ngâm khử khuẩn dụng cụ mức độ cao.	Dung dịch ngâm khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế chứa thành phần Glutaraldehyde 2,55 % (w/w), hệ đệm pH= 5-6.Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 10 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm, mốc : EN 14562Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563Thời gian đồ ra chậu ngâm: Tối đa 30 ngày Tặng kèm test thử, nồng độ hoạt chất có tác dụng tối thiểu: 1,5%(w/w).Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485: ISO 9001.	Lít	100	
9	N01.02.030	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm, mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Tặng kèm test thử. Cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn: Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Lít	300	
	<i>N01.02.040</i>	<i>Dung dịch sát khuẩn, khử trùng trong phòng xét nghiệm, buồng mô, buồng bệnh các loại</i>				
10	N01.02.040	Chloramin B	Dạng bột màu trắng. Hàm lượng Clo hoạt tính: $\geq$ 27% (w/w). Độ tinh khiết: $\geq$ 99%.	Kg	100	
	<i>N01.02.050</i>	<i>Dung dịch tẩy rửa dụng cụ các loại</i>				



	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
11	N01.02.050	Dung dịch tiền khử khuẩn và tẩy rửa đa Enzyme	Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế chứa thành phần: Enzyme Protease: $\geq 0,5\%$ (w/w), Lipase: $\geq 0,2\%$ (w/w), Amylase: $\geq 0,15\%$ (w/w), Cellulase: $\geq 0,05\%$ (w/w), Mannanase: $\geq 0,05\%$ (w/w). Và các chất phụ gia khác như: chất hoạt động bề mặt, chất chống ăn mòn, chất chỉnh pH, chất tạo màu, hương liệu... Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO 9001.	Lít	17	
12	N01.02.050	Dung dịch tẩy rửa đa enzyme dùng cho máy rửa	Enzyme Protease: $\geq 0,5\%$ (w/w) và các chất phụ gia khác như: chất hoạt động bề mặt, chất chống ăn mòn, chất chỉnh pH, chất tạo màu, hương liệu...Enzyme Protease 0,5 % (w/w). Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Lít	100	
	<b>N02.00.000</b>	<b>Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương</b>				
	<b>N02.01.000</b>	<b>2.1 Băng</b>				
	<i>N02.01.010</i>	<i>Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ</i>				
13	N02.01.010	Băng bột bó 20 x 4,6	Mô tả: Kích thước 20cm x 4.6m. Sản xuất bởi bột thạch cao được pha lỏng bao phủ hoàn toàn gạc thấm. Khả năng thấm nước tốt, đông kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn. Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong một túi cách nước. Thời gian đông kết nhanh: khoảng 3-5 phút. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cuộn	300	
14	N02.01.010	Băng bột bó 20 x 2,7	Mô tả: - Kích thước 20cm x 270cm (tương đương 20cm	Cuộn	100	



Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)		Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			x 2,7m) - Sản xuất bởi bột thạch cao được pha lỏng bao phủ hoàn toàn gạc thấm - Khả năng thấm nước tốt, đông kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn - Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong một túi cách nước - Thời gian đông kết nhanh: khoảng 3-5 phút Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.			
15	N02.01.010	Băng bột bó 15 x 4,6	- Kích thước 15cm x 460cm (tương đương 15cm x 4.6m) - Sản xuất bởi bột thạch cao được pha lỏng bao phủ hoàn toàn gạc thấm - Khả năng thấm nước tốt, đông kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn - Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong một túi cách nước - Thời gian đông kết nhanh: khoảng 3-5 phút Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cuộn	100	
16	N02.01.010	Băng bột bó 15 x 2,7	- Kích thước 15cm x 270cm (tương đương 15cm x 2,7m) - Sản xuất bởi bột thạch cao được pha lỏng bao phủ hoàn toàn gạc thấm - Khả năng thấm nước tốt, đông kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn - Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong một túi cách nước - Thời gian đông kết nhanh: khoảng 3-5 phút Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cuộn	100	



Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
17	N02.01.010	Băng bột bó 10 x 4,6	- Kích thước 10cm x 460cm (tương đương 10cm x 4.6m)- Sản xuất bởi bột thạch cao đượ pha lỏng bao phủ hoàn toàn gạch thấm- Khả năng thấm nước tốt, đông kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn- Mỗi cuộn đượ đóng gói riêng biệt trong một túi cách nước- Thời gian đông kết nhanh: khoảng 3-5 phútĐạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cuộn	500	
18	N02.01.010	Băng bột bó 10 x 2,7	- Kích thước 10cm x 270cm (tương đương 10cm x 2,7m) - Sản xuất bởi bột thạch cao đượ pha lỏng bao phủ hoàn toàn gạch thấm - Khả năng thấm nước tốt, đông kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn - Mỗi cuộn đượ đóng gói riêng biệt trong một túi cách nước - Thời gian đông kết nhanh: khoảng 3-5 phút Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cuộn	100	
	N02.01.020	<i>Băng chun, băng đàn hồi các loại, các cỡ</i>				
19	N02.01.020	Băng thun 10cm x 4,5m	Nguyên liệu: sợi Polyester và sợi cao su., Quy cách: 0,1m x 4,5m Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cuộn	1.000	
20	N02.01.020	Băng thun 15cm x 4,5m	Nguyên liệu: dệt từ sợi cao su và sợi polyester. Màu trắng. Độ bền kéo đứt: $\geq 150$ N Độ giãn dài 100% sau khi căng 4 giờ: $\leq 105$ % Độ bền nén thùng: $\geq 180$ N Độ dẫn dài khi đứt (chiều dọc): $\geq 150$ %	Cuộn	500	



Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Đóng gói: 1 cuộn/gói- 10 gói/gói, Sản phẩm chứa trong túi nylon. Kích thước: 15 cm x4.5m Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001.			
<b>N02.02.000</b>	<b>2.2 Băng dính</b>				
	<i>Băng dính các loại, các cỡ</i>				
21	N02.02.020 Băng dính lụa 5cm x 5m	Thành phần cấu tạo: - Phần nền: Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng, số sợi 44x18/cm <sup>2</sup> . Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng, không cần dùng kéo. - Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. - Lõi: liền với cánh bảo vệ được làm từ nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn. - Kích thước đúng: 5cm x 5m. - Nguyên liệu được nhập khẩu trực tiếp từ Châu Âu. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cuộn	5.000	
<b>N02.03.000</b>	<b>2.3 Gạc, băng gạc điều trị các vết thương</b>				
	<i>Gạc các loại, các cỡ</i>				
22	N02.03.020 Gạc mét y tế	Làm từ 100% cotton, Gạc hoàn toàn trắng, không được có lơ hoặc có màu phụ để làm trắng, Gạc mét y tế loại dày 0.8m x 1m. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Mét	5.000	
23	N02.03.020 Gạc cầu đa khoa Φ 30 x 2 lớp vô trùng	Gạc dệt (100% cotton), màu trắng, không bụi bẩn và bông hút nước (100% cotton) - Tốc độ hút nước ≤ 5s - Độ acid bazơ: trung tính	Cái	9.000	



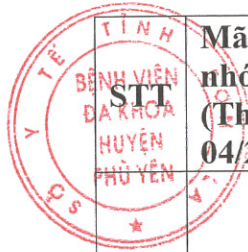
Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"><li>- Chất tan trong ether: <math>\leq 0,5\%</math></li><li>- Độ ẩm: <math>\leq 8\%</math></li><li>- Sản phẩm tiệt trùng bằng khí E.O</li><li>- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001; FDA.</li></ul>			
24	N02.03.020	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5 x 7,5cm x 6 lớp <ul style="list-style-type: none"><li>- Gạc dệt từ vải không dệt (70% viscose và 30% polyester), màu trắng, không bụi bẩn</li><li>- Tốc độ hút nước <math>\leq 5s</math></li><li>- Độ acid bazơ: trung tính</li><li>- Chất tan trong ether: <math>\leq 0,5\%</math></li><li>- Độ ẩm: <math>\leq 8\%</math></li><li>- Sản phẩm tiệt trùng bằng khí E.O</li><li>- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.</li></ul>	Cái	50.000	
25	N02.03.020	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp, vô trùng <ul style="list-style-type: none"><li>- Gạc dệt (100% cotton) hoặc gạc không dệt (70% viscose và 30% polyester), màu trắng, không bụi bẩn</li><li>- Tốc độ hút nước <math>\leq 10s</math></li><li>- Độ acid bazơ: trung tính</li><li>- Chất tan trong ether: <math>\leq 0,5\%</math></li><li>- Độ ẩm: <math>\leq 8\%</math></li><li>- Sản phẩm tiệt trùng bằng khí E.O</li><li>- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.</li></ul>	Cái	50.000	
26	N02.03.020	Gạc phẫu thuật 20 x 20cm x 3 lớp, vô trùng <ul style="list-style-type: none"><li>- Gạc dệt (100% cotton) màu trắng, không bụi bẩn</li><li>- Tốc độ hút nước <math>\leq 5s</math></li><li>- Độ acid bazơ: trung tính</li><li>- Chất tan trong ether: <math>\leq 0,5\%</math></li><li>- Độ ẩm: <math>\leq 8\%</math></li><li>- Sản phẩm tiệt trùng bằng khí E.O</li><li>- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.</li></ul>	Miếng	70.000	



	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
27	N02.03.020	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 12 lớp, vô trùng	Gạc dệt (100% cotton) màu trắng, không bụi bẩn - Tốc độ hút nước $\leq 5s$ - Độ acid bazơ: trung tính - Chất tan trong ether: $\leq 0,5\%$ - Độ ẩm: $\leq 8\%$ - Sản phẩm tiệt trùng bằng khí E.O - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Miếng	50.000	
28	N02.03.020	Gạc phẫu thuật 10cm x 20cm x 6 lớp, vô trùng	Nguyên liệu: vải dệt hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. Đặc tính: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Tốc độ hút nước $< 8s$ ; - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Không có tinh bột hoặc Dextrin; - Trọng lượng: 23g/m <sup>2</sup> . - Kích thước 10cm x 20cm x 6 lớp. Đóng gói: 10 cái/gói, Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001.	Cái	30.000	
29	N02.03.020	Gạc phẫu thuật 30cm x 30cm x 6 lớp, cản quang, vô trùng	Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. Đặc tính: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Tốc độ hút nước $< 8s$ ; - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Không có tinh bột hoặc Dextrin; - Chất tan trong ether: $\leq 0,5\%$ - Độ ẩm: $\leq 8\%$ - Trọng lượng: 23g/m <sup>2</sup> . - Kích thước 30cm x 30cm x 6 lớp, cản quang	Miếng	15.000	



Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Đóng gói: 10 cái/gói, Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001.			
<b>N02.04.000</b>	<b>2.4 Vật liệu cầm máu, điều trị các vết thương</b>				
<i>N02.04.040</i>	<i>Miếng cầm máu mũi các loại, các cỡ</i>				
30	N02.04.040	Miếng cầm máu mũi	Miếng	100	
		UNOPORE được làm bằng bột biển PVA (Polyvinylal Alcohol) có thể dẫn nỡ. UNOPORE có khả năng hấp thụ 25 lần trọng lượng của chúng. Tiệt trùng bằng tia Gamma. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.			
<b>N03.00.000</b>	<b>Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh</b>				
<b>N03.01.000</b>	<b>3.1 Bơm tiêm</b>				
<i>N03.01.010</i>	<i>Bơm sử dụng để bơm thức ăn cho người bệnh các loại, các cỡ</i>				
31	N03.01.010	Bơm cho ăn 50ml	Cái	5.000	
		- Xy lanh 50ml: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có vạch chia dung tích rõ ràng, đốc to lắp vừa dây cho ăn.- Pít tông: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có khóa bẻ gãy để hủy chống			



Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		sử dụng lại.- Gioăng: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, tạo độ kín khít giữa pít tông với xy lanh, không gây độc, không ảnh hưởng sức khỏe.- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.			
N03.01.020	<i>Bơm tiêm (syringe) dùng một lần các loại, các cỡ</i>				
32	N03.01.020 Bơm tiêm 1ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml cỡ kim 26Gx1/2"; gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Bơm tiêm đạt khoảng chết ≤ 0,03 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	10.000	
33	N03.01.020 Bơm tiêm 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G; 25G. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng; Bề mặt gioăng phẳng . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	200.000	
34	N03.01.020 Bơm tiêm 5ml	- Xy lanh 5ml: Đầu côn hoặc đầu xoắn, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt - Pít tông: Trong suốt, có khóa bẻ gãy để hủy - Gioăng: Mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn, di chuyển dễ dàng tạo được độ kín- khít giữa pít tông với xy lanh - Kim làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ. Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh, không tạp chất bên trong, được phủ Silicon. + Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). + Vô trùng - không độc - không buốt - không gây	Cái	300.000	



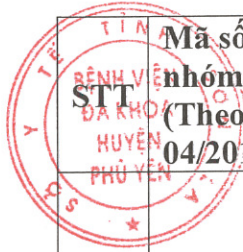
	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
35	N03.01.020	Bơm tiêm sử dụng một lần 10 ml	<p>sốt - không DEHP. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; CE.</p> <p>- Xy lanh 10ml: Đầu côn hoặc đầu xoắn, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt - Pít tông: Trong suốt, có khóa bẻ gãy dễ hủy - Gioăng: Mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn, di chuyển dễ dàng tạo được độ kín- khít giữa pít tông với xy lanh - Kim làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ. Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh, không tạp chất bên trong, được phủ Silicon. + Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). + Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP.- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; CE.</p>	Cái	300.000	
36	N03.01.020	Bơm tiêm 50ml	<p>- Dung tích: 50ml - Xy lanh: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, đốc nhỏ lắp vừa kim - Pít tông: trong suốt, Có khóa bẻ gãy dễ hủy. - Gioăng: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, tạo độ kín khít giữa pít tông với xy lanh - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.</p>	Cái	5.000	
	N03.01.040	<i>Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ</i>				



	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
37	N03.01.040	Bơm tiêm 50ml có khóa	Cỡ bơm: 50ml - Đầu trượt, lệch tâm/ đầu xoắn - Tương thích máy bơm tiêm điện - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	5.000	
	<i>N03.01.060</i>	<i>Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ</i>				
38	N03.01.060	Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ	• Kim sắc bén giúp ít đau và thoải mái hơn• Thiết kế Uni-Body nâng cao• Thiết kế không gian chết thấp đảm bảo chính xác và hạn chế hao hụt thuốc• Đầu kim vát 3 mặt chính xác, phủ Silicon, nút chặn pít tông và ống tiêm trong suốt, vạch chia lớn dễ đọc• Kim sử dụng một lần• Không chứa chất dị ứng, không chứa latex • Dung tích 1ml• Tiệt trùng bằng khí EO* Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485. • Kích thước51050: U100 30Gx5/16 - 0.30x8mm51060: U100 31Gx5/16 - 0.25x8mm51120: U40 30Gx5/16 - 0.30x8mm	Cái	3.000	
	<i>N03.01.080</i>	<i>Bơm tiêm máy bơm các loại, các cỡ</i>				
39	N03.01.080	Bơm tiêm thuốc cản quang 1 nòng	Bơm tiêm thuốc cản quang làm tối thiểu bằng chất liệu y tế Polyurethane. Bền, chắc, chịu được áp lực cao. Phù hợp với các máy bơm thuốc cản quang Shenzhen Sinopower-S; Ống bơm thuốc cản quang 01 cái; Thể tích 200ml; Kim lấy thuốc chữ J: 01 cái; Dây 1800mm; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	500	
	<b>N03.02.000</b>	<b>3.2 Kim tiêm</b>				
	<i>N03.02.020</i>	<i>Kim cánh bướm các loại, các cỡ</i>				



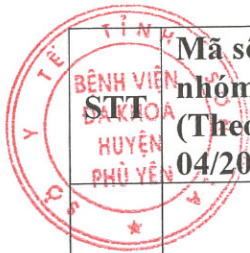
	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
40	N03.02.020	Kim cánh bướm các số	- Dây dẫn: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng. Dây dài 300mm Cỡ kim 23G x 3/4", 25G x 3/4" và các cỡ khác theo yêu cầu. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái/Bộ	70.000	
41	N03.02.020	Kim chích	Chất liệu thép không gỉ, tay cầm nhựa PVC. Đầu kim vát sắc nhọn, tiệt trùng.	Chiếc/Cái	5.000	
	<i>N03.02.060</i>	<i>Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ</i>				
42	N03.02.060	Kim lấy máu	- Kim: được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken.- Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh, không tạp chất bên trong, được phủ Silicone. - Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.- Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt, không có chất DEHP.- Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp kim khít bảo vệ đầu kim tốt. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	150.000	
43	N03.02.060	Kim lấy thuốc các số	- Kim: được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. - Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp kim khít bảo vệ đầu kim tốt. - Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh, không tạp chất bên trong,	Cái	30.000	



	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			được phủ Silicone. - Độc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt, không có chất DEHP. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.			
	<i>N03.02.070</i>	<i>Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ</i>				
44	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch thường (các cỡ: G16, G18, G20, G22)	- Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa chích 16G, 18G, 20G, 22G. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	50.000	
45	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch an toàn các số 16G, 18G, 20G, 22G, 24G	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh, có cửa chích, có đầu bảo vệ 16G, 18G, 20G, 22G. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	50.000	
	<b>N03.03.000</b>	<b>3.3 Kim chọc dò, sinh thiết và các loại kim khác</b>				
	<i>N03.03.010</i>	<i>Kim chọc, kim chọc dò các loại, các cỡ</i>				
46	N03.03.010	Kim chọc dò gây tê tủy sống KD-FINE các số 18, 20, 22, 25G	Kim gây tê tủy sống dài 88mm.G25; G27. Thiết kế lăng kính pha lê phản quang trong chuôi kim . Lăng kính có màu sáng bạc trước khi có dịch não tủy chảy ra, lăng kính chuyển sang trong suốt khi có dịch não tủy chảy ra.	Cái	3.000	
	<b>N03.04.000</b>	<b>3.4 Kim châm cứu</b>				



	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	<i>N03.04.010</i>	<i>Kim châm cứu các loại, các cỡ</i>				
47	N03.04.010	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần, Kim châm cứu là sản phẩm vô trùng Thân kim được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, đốc kim được cuốn bằng thép, các vòng quấn tròn đều, không có gò rập, Các cỡ. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	160.000	
	<b>N03.05.000</b>	<b>3.5 Dây truyền, dây dẫn</b>				
	<i>N03.05.010</i>	<i>Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, công chia, ống nối đi kèm)</i>				
48	N03.05.010	Dây truyền dịch	<ul style="list-style-type: none"><li>- Dây dẫn: Dài <math>\geq 1550</math>mm, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC tráng silicon có độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng. Chứng nhận đạt không có chất gây tan huyết.</li><li>- Bộ phận điều chỉnh dòng chảy: Nhựa nguyên sinh ABS đạt tiêu chuẩn, gồm máng có thiết kế thêm kẹp khe giữ dây và con lăn di chuyển dễ dàng.</li><li>- Bộ phận đầu nối: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm. Có công tiêm thuốc chữ Y.</li><li>- Đầu nối kim: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, có thiết kế khóa vặn để khóa chặt kim (Luer lock).</li><li>- Kim xuyên nút chai: làm từ nhựa ABS hoặc nhựa nguyên sinh khác đạt tiêu chuẩn, sắc, nhọn.</li></ul>	Bộ	50.000	



	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"><li>- Van thoát khí (van lọc khí): Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, có thiết kế màng lọc khuẩn 0.2µm vô khuẩn làm từ chất liệu vải PP không dệt.</li><li>- Bầu đếm giọt dung tích 20ml. Đường kính ngoài 14.2mm - 14.5mm. Dài 45mm, có thành dày đều: 0.9mm. Có màng lọc dịch 15µm.</li><li>- Kim: 21G x 1½, 22G x 1½", 23G x 1½", 22x3/4 và các cỡ khác theo yêu cầu.</li><li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</li><li>- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.</li></ul>			
49	N03.05.010	Dây truyền dịch kim bướm	<p>Dây dẫn: Dài ≥ 1550mm, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC trắng silicon có độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng. Chứng nhận đạt không có chất gây tan huyết.- Bộ phận điều chỉnh dòng chảy: Nhựa nguyên sinh ABS đạt tiêu chuẩn, gồm máng có thiết kế thêm kẹp khe giữ dây và con lăn di chuyển dễ dàng. - Bộ phận đầu nối: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm. Có công tiêm thuốc chữ Y.- Đầu nối kim: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, có thiết kế khóa vận để khóa chặt kim (Luer lock).- Kim xuyên nút chai: làm từ nhựa ABS hoặc nhựa nguyên sinh khác đạt tiêu chuẩn, sắc, nhọn.- Van thoát khí (van lọc khí): Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, có thiết kế màng lọc khuẩn 0.2µm vô khuẩn làm từ chất liệu vải PP không dệt.- Bầu đếm giọt dung tích 20ml. Đường kính ngoài 14.2mm - 14.5mm. Dài 45mm, có thành dày đều: 0.9mm. Có màng</p>	Bộ	100.000	



	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			lọc dịch 15 $\mu$ m.- Kim 1 cánh bướm: 22G và các cỡ khác theo yêu cầu.- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)TC: EN ISO 13485: 2016; ISO 13485:2016; E87			
	N03.05.030	<i>Dây dẫn, dây truyền máu, truyền chế phẩm máu các loại, các cỡ</i>				
50	N03.05.030	Dây truyền máu, loại chất lượng cao	<ul style="list-style-type: none"><li>• Dây truyền máu dùng để truyền máu hoặc phụ kiện của hệ thống truyền máu.</li><li>• Dẫn truyền bằng trọng lực</li><li>• Buồng nhỏ giọt trong suốt</li><li>• Tốc độ truyền khoảng 20 giọt/ml</li><li>• Dây PVC mềm và kháng xoắn, không chứa DEHP</li><li>• Màn lọc 200 Micron, Khóa Luer</li><li>• Chiều dài dây: 150 cm. Kim size: 18G X 1 1/2''</li><li>• Cổng "Y" thiết kế cho nhiều lần tiêm</li><li>• Khối lượng mỗi: 6.46ml/m</li><li>• Đường kính ống dây: ID 3 mm &amp; OD 4.1 mm</li><li>• Tiệt trùng bằng khí EO</li><li>* Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE</li></ul>	Bộ	3.000	
	N03.05.040	<i>Dây nối đi kèm dây truyền các loại, các cỡ</i>				
51	N03.05.040	Dây nối 150cm (dây chịu áp lực cao)	<ul style="list-style-type: none"><li>• Dây nối bơm tiêm 150 áp lực cao</li><li>• Ống PVC chống xoắn</li><li>• Khóa Male Luer ở một đầu và female Luer kết nối ở đầu kia</li><li>• Chiều dài ống: 150 cm</li><li>• Chịu áp suất lên đến 55 bar (800 psi)</li><li>• Thể tích tồn dư: 1ml/ 100cm</li><li>• Khối lượng mỗi: 0.84ml/m</li><li>• Ống kính: I Ø 1.0 mm. &amp; O Ø 2.0</li></ul>	cái	1.000	



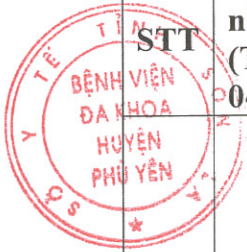
	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			mm• Không chứa DEHF• Tiệt trùng bằng khí EO* Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.			
52	N03.05.040	Dây nối 75cm	- Độ dài dây: 75mm - Thể tích ống dây 2.5mL - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Sợi/Cái	500	
	<i>N03.05.060</i>	<i>Khóa đi kèm dây dẫn, đi kèm hoặc không đi kèm dây truyền được dùng trong truyền dịch, truyền máu, truyền khí các loại, các cỡ</i>				
53	N03.05.060	Khóa 3 chạc không dây	Khóa ba chạc không dây nối, đầu khóa chắc chắn không rò rỉ, van 1 chiều an toàn. Dây nối chất liệu PCV. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE	Cái	7.000	
	<b>N03.06.000</b>	<b>3.6 Găng tay</b>				
	<i>N03.06.020</i>	<i>Găng tay chăm sóc, điều trị người bệnh các loại, các cỡ</i>				
54	N03.06.020	Găng tay dài sản khoa	Găng sản khoa (găng khám sản) chưa tiệt trùng dài 500 mm sản xuất từ latex cao su thiên nhiên phủ bột chống dính, sử dụng một lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Kích cỡ: size S,M,L	Đôi	200	
	<i>N03.06.030</i>	<i>Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ</i>				



Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
55	N03.06.030	Găng tay sử dụng trong thăm khám các cỡ (có bột)	Chất liệu cao su tự nhiên, dùng được cả hai tay, bề mặt trơn, cổ tay se viền. Chiều dài 240mm, độ rộng 76mm±3mm – 113mm±3mm, độ dày ngón tay 0.14mm±0.03mm; độ dày lòng bàn tay 0.11mm±0.03mm. Độ kéo trước khi lão hóa: tối thiểu 18 Mpa, sau khi lão hóa: tối thiểu 14Mpa. Độ giãn đứt(trước lão hóa: Min 650%, sau lão hóa: min 500%). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Đôi	300.000	
56	N03.06.030	Găng tay sử dụng trong thăm khám các cỡ (không có bột)	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên, không bột bề mặt nhẵn mịn, có độ cong phù hợp, độ đàn hồi tốt. Chiều dài tối thiểu 240mm, màu trắng, dễ thao tác không gây kích ứng khi sử dụng. Độ dày tối thiểu: + vùng ngón tay: 0,14mm, + lòng bàn tay: 0,12mm. Độ giãn dài trước/sau lão hóa tối thiểu: 650%/500%Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Đôi	100.000	
	<b>N03.06.050</b>	<b>Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ</b>				
57	N03.06.050	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các cỡ	Găng tay được sản xuất từ nguyên liệu latex (cao su tự nhiên) ly tâm hai lần nhằm loại trừ các tạp chất, độc tố và các tác nhân gây dị ứng. 2. Kiểu bề mặt trơn, ngón tay thẳng (SS), Kích thước vật lý: -Chiều dài: Size 6; 6,5: ≥ 280mm Size 7; 7,5 và 8: ≥ 280mm - Chiều rộng lòng bàn tay: Size 6,5: 83mm±5mm; Size 7: 89mm± 5mm Size 7,5: 95mm±5mm; Size 8: 102 mm±6mm Chiều dày tối thiểu 1 lớp cho các cỡ: ≥ 0,13mm	Đôi	30.000	



Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			, Cường lực và độ giãn dài kéo đứt: -Cường lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: 13 N; Sau già hóa là : 11N -Độ giãn đứt tối thiểu: Trước già hóa: 750%; Sau già hóa là : 650%;, Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): 100mg±20mg. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.			
58	N03.06.050	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các cỡ	Găng tay được sản xuất từ nguyên liệu latex (cao su tự nhiên) ly tâm hai lần nhằm loại trừ các tạp chất, độc tố và các tác nhân gây dị ứng. 2. Kiểu bề mặt trơn, ngón tay thẳng (SS), Kích thước vật lý:- Chiều dài: Size 6; 6,5: ≥ 280mm Size 7; 7,5 và 8: ≥ 280mm- Chiều rộng lòng bàn tay: Size 6,5: 83mm±5mm; Size 7: 89mm± 5mm Size 7,5: 95mm±5mm; Size 8: 102 mm±6mm Chiều dày tối thiểu 1 lớp cho các cỡ: ≥ 0,13mm , Cường lực và độ giãn dài kéo đứt:-Cường lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: 13 N; Sau già hóa là : 11N-Độ giãn đứt tối thiểu: Trước già hóa: 750%; Sau già hóa là : 650%;, Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): 100mg±20mg.- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Đôi	10.000	
	N03.07.000	<b>3.7 Túi, lọ và vật tư bao gói khác</b>				
	N03.07.030	<i>Túi, bao gói tiệt trùng các loại, các cỡ</i>				
59	N03.07.030	Túi camera nilon vô trùng M6	Gồm 1 túi nylon 9 cm x14cm, 1 ống nylon 18x230cm	Túi	1.000	



	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
60	N03.07.030	Túi máu đơn 250ml	<ul style="list-style-type: none"><li>- Túi máu dùng để thu thập máu với thể tích 250ml, có chứa 35ml chất chống đông CPDA- 1, bảo quản máu toàn phần trong 35 ngày.</li><li>- Kim lấy máu kích thước 16G được tiệt trùng.</li><li>- 1 dây lấy máu toàn phần dài 1100 ±50mm, trên dây có 14 đoạn mã.</li><li>- Thiết kế túi máu bo tròn.</li><li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485, EC.</li></ul>	Túi	500	
	N03.07.060	<i>Túi, lọ, cát-sét (cassette) đựng hoặc đo lượng chất thải tiệt, dịch xả các loại, các cỡ</i>				
61	N03.07.060	Túi nước tiểu	Túi PVC , thể tích 2000ml có chia vạch, vô trùng. Đảm bảo kín không rò rỉ. Van kéo đẩy. Kích thước túi: chiều dài 248 ± 5mm, chiều rộng 175mm± 5mm, dày 2 lớp ≥ 0.22mm. Kích thước ống dây: dài 900 ± 20mm, đường kính ngoài 6 ± 0.5mm, đường kính trong ≥3.5mm. Các mối nối chịu được lực 40N trong 15s tĩnh. Có van chống trào ngược. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	10.000	
	N03.07.070	<i>Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ</i>				
62	N03.07.070	Ống nghiệm chống đông EDTA	Ống nghiệm K2 EDTA URI, nắp xanh dương Thể tích chứa: 5 mL Thân ống Polypropylene (PP) Chiều dài 75 mm. đường kính ngoài 12 mm Chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút. Nồng độ K2EDTA: 1.2 – 2.2 mg/mL máu Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485, Tiệt trùng: chiếu xạ tia gamma	Cái	100.000	



Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
63 N03.07.070	Ống nghiệm chống đông Heparin	Ống nghiệm Lithium Heparin URI, nắp đen Thể tích chứa: 5 mL Thân ống Polypropylene (PP) Chiều dài 75 mm, đường kính ngoài 12 mm Chịu lực ly tâm 6000 vòng/ phút. Nồng độ Lithium Heparin: >10 IU/mL máu Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, Tiệt trùng: chiếu xạ tia gama	Cái	100.000	
64 N03.07.070	Ống nghiệm thủy tinh đựng nước tiểu	Kích thước: 115mmx12mm; 140x14mm Chịu được nhiệt hấp sấy ở 170 độ C ± 10% trong 60 phút	Ống	5.000	
65 N03.07.070	Ống nghiệm nhựa đựng nước tiểu	Ống nghiệm: Nhựa PS - ống có dạng hình trụ đáy tròn, không đóng nút, trên ống không có nhãn - Kích thước ống: Dài 10cm, đường kính 16mm, thể tích sử dụng tối đa 10ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; ISO 9001.	Cái	5.000	
66 N03.07.070	Ống nghiệm thủy tinh loại nhỏ (Phi 0,7 x 10 cm)	Chất liệu bằng thủy tinh trong suốt. Kích thước: Đường kính 0,7cm, chiều cao 10cm.	Chiếc/Cái	1.000	
N04.00.000	<b>Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter</b>				
N04.01.000	<b>4.1 Ống thông</b>				
N04.01.020	<b>Ống ca-nuyn (cannula) mở khí quản các loại, các cỡ</b>				



	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
67	N04.01.020	Ca - nuyen mở khí quản	Làm bằng nhựa PVC trong và không độc hại, được khử trùng bằng khí EO - Có bóng bóp thể tích lớn, áp lực thấp - Uốn cong 900 - Núm xoay 15mm - Đầu value có khóa xoay - Đường mờ tia X nằm theo chiều dài của ống - Nắp đậy và dây đeo cổ dài 240cm - Mép cổ mềm, cố định - Không có cao su - Sử dụng một lần - Các số: 6.0 / 6.5 / 7.0 / 7.5 / 8.0 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	100	
	<i>N04.01.030</i>	<i>Ống nội khí quản sử dụng một lần các loại, các cỡ (bao gồm ống nội khí quản canlene)</i>				
68	N04.01.030	Ống đặt nội khí quản 1 lần các số có bóng chèn	Ống nội khí quản được làm bằng vật liệu y tế PVC. Có bóng. Đầu được vát xung quanh giúp tránh tổn thương, có mắt Murphy. Bóng mềm áp lực thấp, thể tích cao. Có các size từ 3.0 - 10.0. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.000	
69	N04.01.030	Ống đặt nội khí quản không có bóng chèn các cỡ 2,5; 3; 4; 5	Chất liệu nhựa PCV cao cấp trong suốt. Có vạch cản quang mờ tia X nằm theo chiều dài của ống. Size 2,5 - 5. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	50	
	<i>N04.01.090</i>	<i>Thông (sonde) các loại, các cỡ</i>				



Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
70	N04.01.090	Sonde foley 2 nhánh	Cái	1.000	
71	N04.01.090	Sonde Nelaton các số	Cái	1.000	
	<b>N04.02.000</b>	<b>4.2 Ống dẫn lưu, ống hút</b>			
	<i>N04.02.020</i>	<i>Ống (sonde) rửa dạ dày các loại, các cỡ</i>			
72	N04.02.020	Sonde cho ăn các số	Cái	1.000	
	<i>N04.02.030</i>	<i>Ống dẫn lưu (drain) các loại, các cỡ</i>			
73	N04.02.030	Sonde dẫn lưu ổ bụng	Cái	500	
	<i>N04.02.050</i>	<i>Ống hút thai các loại, các cỡ</i>			
74	N04.02.050	Ống hút thai (điều kinh)	Cái	200	



	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			Ống cỡ 4mm đến 8mm: đầu ống có 2 lỗ hút. Ống cỡ 9mm, 10mm và 12mm : đầu ống có 1 lỗ hút lớn. Ống hút được làm bằng nhựa không latex. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.			
	<i>N04.02.060</i>	<i>Ống, dây hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ</i>				
75	N04.02.060	Dây hút nhớt	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn với khóa van điều chỉnh, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10 mm, 20mm. được tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	2.000	
	<i>N04.02.070</i>	<i>Ống, dây rửa hút dùng cho thiết bị thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ</i>				
76	N04.02.070	Dây hút dịch	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, có đường kính trong $\phi$ 8mm, đường kính ngoài $\phi$ 10mm, dây có chiều dài 2m. Trên thân dây có các đường gân. Dây mềm, chịu được áp lực cao, hai đầu dây được gắn 02 co nối. được tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	1.000	
	<b>N04.03.000</b>	<b>4.3 Ống nối, dây nối, chạc nối</b>				
	<i>N04.03.030</i>	<i>Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ</i>				
77	N04.03.030	Dây thở oxy	Dây thở oxy là sản phẩm được sử dụng với mục đích truyền oxy từ bình dưỡng khí cho bệnh nhân	Cái	1.100	



STT	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			nhằm tăng nồng độ oxy trong đường thở và cải thiện tình trạng giảm oxy trong máu. Đặt đầu mềm vào mũi bệnh nhân, đầu kia cắm vào ống khí. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.			
	N04.03.090	<b>Ống nối, dây nối, chạc nối (adapter) dùng trong thiết bị các loại, các cỡ</b>				
78	N04.03.090	Sâu máy thở	Loại co rút q5 cm, có lắp đàn hồi. Kết nối tiêu chuẩn 22mm F/ 15mm M cho phép kết nối vừa tất cả các kết nối chữ Y. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	100	
	N04.03.120	<i>Bộ dây máy thở cao tần các loại, các cỡ (bao gồm: bộ dây thở, van chụp, màng rung)</i>				
79	N04.03.120	Bộ dây máy thở	Bộ dây máy thở bằng nhựa y tế, có 02 bể nước trong suốt, co khuấy xoay được, co chữ Y với đường kính 2 nhánh 22mm/15mm, có cổng lấy khí với nắp cố định trên co nối; gồm 6 đoạn dây: 4 đoạn dây với kích thước và đầu nối khít chuẩn 22 mmF, 01 đoạn dây dài khoảng 45cm nối bình làm ẩm, 01 đoạn dây nối dài 80cm. Đã tiệt trùng, sử dụng một lần.	Bộ	20	
	N04.04.000	<b>4.4 Catheter</b>				
	N04.04.010	<i>Ống thông (catheter) các loại, các cỡ</i>				



STT	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
80	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Bộ ống thông làm từ vật liệu PU với độ tương thích sinh học. Các vật liệu có độ bền kéo cao nhưng mềm ở nhiệt độ cơ thể và Hoàn toàn chắn bức xạ .Catheter được luồn theo kỹ thuật Seldinger. Kích thước 18G, 14G, 16G x 20cmĐạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	20	
81	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Bộ ống thông làm từ vật liệu PU với độ tương thích sinh học. Các vật liệu có độ bền kéo cao nhưng mềm ở nhiệt độ cơ thể và Hoàn toàn chắn bức xạ. Catheter được luồn theo kỹ thuật Seldinger. Dây dẫn ( Guider Wire ) kích thước 0,035" J60cm, Kim dẫn hướng 18G x7cm, thiết bị nối rộng tĩnh mạch 8.5Fr x10 cm, Kích thước 7Fr x20cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	100	
82	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng.	Bộ ống thông làm từ vật liệu PU với độ tương thích sinh học . Các vật liệu có độ bền kéo cao nhưng mềm ở nhiệt độ cơ thể và Hoàn toàn chắn bức xạ .Catheter được luồn theo kỹ thuật Seldinger. Dây dẫn ( Guider Wire ) kích thước 0,035" J60cm, Kim dẫn hướng 18G x7cm, thiết bị nối rộng tĩnh mạch 8.5Fr x10 cm, Kích thước 7Fr x20cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	20	
	<b>N05.00.000</b>	<b>Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật</b>				
	<b>N05.01.000</b>	<b>5.1 Kim khâu</b>				
	<i>N05.01.010</i>	<i>Kim khâu các loại, các cỡ</i>				



Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
N05.01.010	Kim khâu các loại, các cỡ	Chất liệu bằng thép không gỉ, lưỡi kim cong, mũi kim hình tam giác hoặc hình tròn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	3.000	
N05.02.000	<b>5.2 Chỉ khâu</b>				
N05.02.030	<i>Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ</i>				
84 N05.02.030	Chỉ khâu không tiêu Polypropylene, các số: 1/0; 2/0; 3/0; 4/0; 5/0; 6/0	Số 1 kim tròn 1/2C, kim 30mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh., Số 2/0 2 kim tròn 1/2C, kim 25mm hoặc 30mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm hoặc 90cm. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh., Số 3/0 2 kim tròn 1/2C, kim 25mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh.,Số 4/0 kim tròn 1/2C hoặc kim tam giác 3/8C, kim 20mm hoặc 25mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm hoặc 90cm. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh.Số 5/0 kim tròn 1/2C, kim 15mm hoặc 20mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh.,Số 6/0 kim tròn 1/2C, kim 10mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Sợi	2.000	



	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
85	N05.02.030	Chỉ Nylon liên kim 3 cạnh, tròn các cỡ (Từ 1/0 - 8/0)	Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu diệt trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Sợi/Tép	1.000	
	<i>N05.02.050</i>	<i>Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ</i>				
86	N05.02.050	Chỉ khâu liên kim Polyglactin, Các số: 0; 1; 2; 2/0; 3/0; 4/0; 5/0	Kim tam giác 3/8C hoặc kim tròn 1/2C, kim 19 mm hoặc 26mm, hoặc 13mm hoặc 17mm hoặc 40mm tùy loại, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm hoặc 90cm tùy loại. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu diệt trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Sợi	2.500	
87	N05.02.050	Chỉ khâu tiêu chậm Catgut Chrom 3/0	Số 3/0 kim tròn 1/2C hoặc kim tam giác 3/8C, kim 26mm hoặc kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chỉ sẽ mất sức căng không 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Sợi	1.000	
88	N05.02.050	Chỉ Catgut chromic các số	Chỉ phẫu thuật Chromic Catgut tự tiêu tự nhiên, diệt trùng, đơn sợi các số 0; 1; 2/0; 3/0; 4/0; 5/0; 6/0	Sợi	440	

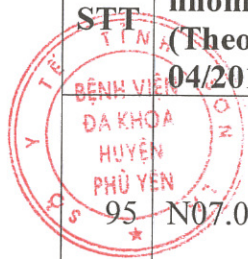


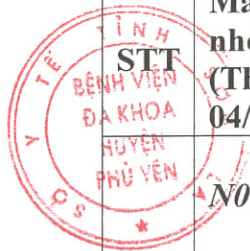
Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Kim tam giác 3/8C hoặc kim tròn 1/2C Kim từ 12mm đến 40mm tùy loại Sợi chỉ dài 45cm hoặc 75cm tùy loại Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chỉ sẽ mất sức căng không 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.			
89	N05.02.050	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số: 0, 1.	Sợi, cuộn, tép	1.000	
	<i>N05.02.060</i>	<i>Chỉ khâu tiêu nhanh các loại, các cỡ</i>			
90	N05.02.060	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 các số: 2/0,3/0,4/0,5/0	Sợi, cuộn, tép	1.000	
	<i>N05.02.070</i>	<i>Chỉ thép, dây thép dùng trong phẫu thuật</i>			
91	N05.02.070	Chỉ thép liên kim các số	Sợi	30	



	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			Chrom..Chỉ có khả năng dễ dàng xuyên qua các tổ chức mô mà không gây ra các vết nứt nhỏ, đồng thời cố định vết thương vĩnh viễn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.			
	<b>N05.03.000</b>	<b>5.3 Dao phẫu thuật</b>				
	<i>N05.03.080</i>	<i>Lưỡi dao mổ sử dụng một lần các loại, các cỡ</i>				
92	N05.03.080	Lưỡi dao mổ các số	Chất liệu thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	10.000	
	<b>N07.00.000</b>	<b>Nhóm 7. Vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa</b>				
	<b>N07.01.000</b>	<b>7.1 Tim mạch và X-quang can thiệp</b>				
	<i>N07.01.500</i>	<i>Phim X- quang các loại, các cỡ</i>				
93	N07.01.500	Phim khô Laser 20x25cm (8x10 inch)	Phim được phủ trên nền màu xanh lam, hỗ trợ khoảng 7-mil polyester. Tương thích với máy in Phim in laser Trimax Txe, với mật độ hình ảnh tối đa khoảng Dmax 3.0. Kích thước: 20*25cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	Tờ	20.000	
94	N07.01.500	Phim X-quang y tế 35x43cm (14x17 inch)	Nền PET dày 168 µm, phủ lớp muối bạc nhạy nhiệt Có thể thay phim dưới môi trường sáng thông thường Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE; CFS	Tờ	5.000	

STT	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	N07.01.500	Phim khô Laser 25x30cm (10x12 inch)	Phim được phủ trên nền màu xanh lam, hỗ trợ khoảng 7-mil polyester. Tương thích với máy in Phim in laser Trimax Txe, với mật độ hình ảnh khoảng tối đa Dmax 3.0. Kích thước: 25*30cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA.	Tờ	25.000	
	<b>N07.03.000</b>	<b>7.3 Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt</b>				
	<i>N07.03.240</i>	<i>Điện cực của máy dò thần kinh các loại, các cỡ</i>				
96	N07.03.240	Điện cực tim	Gồm nền xốp và gel dính với keo Acrylate Nút điện cực bằng thép không gỉ, chất lượng cao, truyền tín hiệu tốt Hình chữ nhật, kích thước: 3,7 cm x 3,3 cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	5.000	
	<b>N07.04.000</b>	<b>7.4 Tiêu hóa</b>				
	<i>N07.04.070</i>	<i>Tấm nâng, màng nâng, lưới dùng trong điều trị và phẫu thuật các loại, các cỡ</i>				
97	N07.04.070	Lưới điều trị thoát vị Polypropylene 10 x 15 cm	Lưới điều trị thoát vị giải phẫu chất liệu Polypropylene 15x10 cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Miếng	15	
	<b>N07.06.000</b>	<b>7.6 Chấn thương, chỉnh hình</b>				





Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
N07.06.020	<i>Áo chỉnh hình cột sống, giày chỉnh hình các loại, các cỡ</i>				
98	N07.06.020	Túi treo tay các cỡ	Túi treo tay	Cái	30
N07.06.040	<i>Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lông dùi trong phẫu thuật các loại, các cỡ</i>				
99	N07.06.040	Đinh Kirschner đường kính các cỡ	Làm bằng chất liệu thép không gỉ. Đường kính từ 0.5mm đến 5.0mm; hai đầu nhọn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	30
100	N07.06.040	Nẹp lòng máng 1/3	- Làm bằng chất liệu thép không gỉ.- Nẹp dày 1.8mm; rộng: 10.0mm.- Số lỗ trên thân nẹp: từ 3 - 12 lỗ; dài 39.8 - 147.8 mm- Đồng bộ với vít 3.5 mm cùng hãng sản xuất- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	20
101	N07.06.040	Nẹp bản hẹp các cỡ	- Làm bằng chất liệu thép không gỉ. - Nẹp dày 4.5mm; rộng: 12.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 16mm và 12.5mm - Số lỗ trên thân nẹp: từ 4 - 16 lỗ; - Dài 72.5 - 288.5 mm - Đồng bộ với vít 4.5 mm cùng hãng sản xuất - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	15
102	N07.06.040	Nẹp bản rộng các cỡ	- Làm bằng chất liệu thép không gỉ. - Nẹp dày 5.0mm; rộng 16.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 16mm, - Số lỗ trên thân nẹp: từ 5 - 18 lỗ - Dài 74 - 282 mm	Cái	20



	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			- Đồng bộ với vít 4.5 mm cùng hãng sản xuất - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.			
103	N07.06.040	Nẹp bản nhỏ các cỡ	Làm bằng chất liệu thép không gỉ. Nẹp dày 3.5mm; rộng: 10.0 - 11.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: $\geq 12$ mm. Số lỗ trên thân nẹp: 4 - 12 lỗ. Dài từ 53.5 - 158.5 mm Đồng bộ với vít 3.5 mm cùng hãng sản xuất. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	15	
104	N07.06.040	Nẹp chữ T dùng vít 3.5 mm các cỡ	Làm bằng chất liệu thép không gỉ. Nẹp dày 2.0mm; rộng: 10.0 mm và 23.5 mm, khoảng cách lỗ 12mm Số lỗ trên thân nẹp: từ 3 - 5 lỗ; dài từ 50.5 mm đến 74.5mm Đồng bộ với vít 3.5mm cùng hãng sản xuất. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	15	
105	N07.06.040	Nẹp chữ T dùng vít 4.5 mm các cỡ	Làm bằng chất liệu thép không gỉ. Nẹp dày 2.0mm; rộng: 35.0 mm; và 17.5mm; khoảng cách lỗ nẹp: 16.0mm; Số lỗ trên thân nẹp: từ 3 - 8 lỗ; dài 70,5 - 150,5mm Đồng bộ với vít 4,5 mm cùng hãng sản xuất. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	15	
106	N07.06.040	Nẹp chữ L trái, phải các cỡ	Làm bằng chất liệu thép không gỉ. Nẹp dày 2.0mm; rộng: 33.0mm và 17.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 16.0mm; Số lỗ trên thân nẹp: từ 3 đến 8 lỗ; dài từ 72.0 mm đến 152.0 mm. Đồng bộ với vít 4.5 mm cùng hãng sản xuất. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	6	



	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
107	N07.06.040	Nẹp mắt xích các cỡ	Làm bằng chất liệu thép không gỉ. Nẹp dày 2.0mm; rộng: 10.5mm; khoảng cách lỗ nẹp: 12.0mm. - Số lỗ trên thân nẹp: từ 4 - 12 lỗ; dài từ 48 - Nhóm 4144mm. - Đồng bộ với vít 4.5 mm cùng hãng sản xuất. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	20	
108	N07.06.040	Vít xỏp đường kính 3.5 mm các cỡ	Làm bằng chất liệu thép không gỉ. Đường kính vít 3,5 mm ren toàn phần, dài từ 10mm đến 80mm, đường kính mũ vít 6.0mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	50	
109	N07.06.040	Vít xỏp đường kính 6.5mm, ren 32 mm, các cỡ	Làm bằng chất liệu thép không gỉ. Đường kính vít 6.5mm ren 32.0 mm; đường kính mũ vít 8.0mm; chiều dài từ 40mm đến 120 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	35	
110	N07.06.040	Vít xương cứng đường kính 3,5mm	Làm bằng chất liệu thép không gỉ. Đường kính ren 3.5mm; đường kính mũ vít lục giác 5.9mm; bước ren 1.25.mm, mũi tô vít 2.5mm; chiều dài từ 10-60mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	140	
111	N07.06.040	Vít xương cứng đường kính 4,5mm	Làm bằng chất liệu thép không gỉ. Đường kính ren 4.5mm; đường kính mũ vít 7.9mm; mũi tô vít 3.5mm chiều dài mỗi cỡ tăng 2mm từ 14mm đến 60mm; tăng 5mm từ 60mm đến 70mm; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	100	
	<i>N07.06.080</i>	<i>Bộ dây bơm nước, đầu đốt điện, tay dao đốt điện dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ</i>				
112	N07.06.080	Tay dao điện	Bút đơn cực có công tắc bằng nút, có bao đựng, bằng thép không gỉ, dây dài 3m Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	400	




Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
<b>N08.00.000</b>	<b>Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác</b>				
<i>N08.00.190</i>	<i>Đầu côn các loại, các cỡ</i>				
113	N08.00.190	Đầu côn xanh 1000 ul	Cái	20.000	
114	N08.00.190	Đầu côn vàng	Cái	20.000	
	<i>N08.00.240</i>	<i>Đè lưỡi (gỗ, inox, sắt) các loại, các cỡ</i>			
115	N08.00.240	Đè lưỡi gỗ	Cái	100.000	
	<i>N08.00.260</i>	<i>Kìm, khóa, kẹp (clip, clamp) các loại, các cỡ</i>			
116	N08.00.260	Hemoclip	Cái	1.000	



	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
117	N08.00.260	Kẹp rôn	Thành phần cấu tạo: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, không chứa DEHP, không gây độc, không gây kích ứng. Gồm 2 phần nối với nhau bằng các khớp răng, màu trắng trong, cứng, nhẵn. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	5.000	
	<i>N08.00.310</i>	<i>Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ</i>				
118	N08.00.310	Mask khí dung	Chất liệu PVC, mềm, trong suốt, dây không bị vặn xoắn. Tốc độ/ tỷ lệ phun sương không ít hơn 0.25ml/min. Kích cỡ hạt thuốc không nhỏ hơn 5 µm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	200	
119	N08.00.310	Mặt nạ thở ô- xy	Chất liệu PVC, mềm, trong suốt, dây không bị vặn xoắn. Mác thở oxy có túi được thiết kế cho việc truyền khí oxy qua đường miệng với mức độ tập trung oxy cao. Độ tập trung oxy: 95% - 100% với dòng chảy oxy là 5-8 l/min. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	200	
	<i>N08.00.340</i>	<i>Phin lọc khí các loại, các cỡ</i>				
120	N08.00.340	Filter lọc khuẩn máy thở gây mê	Có cổng luer xoay và nắp lọc tĩnh điện Sự kháng (tại 30LPM): 60PA Không gian chết: 32ml Thể tích: 250-1500ml Hiệu quả lọc vi khuẩn (BFE): 99,99998% Hiệu quả lọc virus (VFE): 99,99997% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	30	



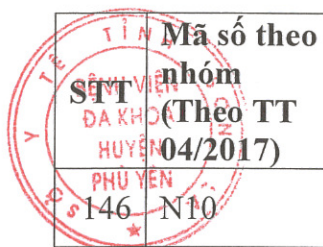
	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	N10	<b>Nhóm 10. Vật tư y tế khác</b>				
121	N10	Giấy in nhiệt	Kích thước: 5,8cm; Đạt tiêu chuẩn ISO	Cuộn	1.000	
122	N10	Hộp đựng kim tiêm y tế an toàn	Hộp an toàn, dung tích 5 lít, tối thiểu được tráng PE cả mặt trong và mặt ngoài	Cái	5.000	
123	N10	Lam kính hiển vi, trong suốt	Độ dày: 1,0 - 1,2mm. Kích thước: $\geq 25,4 \times 76,2\text{mm}$ (1" x 3") Vật liệu cấu thành: Bằng kính, loại kính trơn.	Hộp	5.000	
124	N10	Mũ giấy y tế	Nguyên liệu: vải không dệt không thấm và dây thun đôi: - Đặc tính vải không dệt: + Vải không dệt không hút nước 14 gam/m <sup>2</sup> , chất liệu 100%PP. + Không hút nước. + Chỉ tiêu kim loại nặng: Antimon (Sb) $\leq 0,1\text{mg/kg}$ ; Asen (As) $\leq 0,1\text{mg/kg}$ ; Bari (Ba) $\leq 2,0\text{mg/kg}$ ; Cadimi (Cd) $\leq 0,1\text{mg/kg}$ ; Crôm (Cr) $\leq 2,0\text{mg/kg}$ ; Chì (Pb) $\leq 1\text{mg/kg}$ ; Thủy ngân (Hg) $\leq 0,1\text{mg/kg}$ ; 1 Silen (Se) $\leq 0,1\text{mg/kg}$ . - Đặc tính dây thun đôi: Chất liệu latex, bẻ rộng 4mm, định lượng 2,15 gam/m, màu trắng. Kích thước mũ con sâu (Rộng x dài):: 2,2- 2,5cm x 19- 21cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; ISO 9001.	Cái	10.000	
125	N10	Mũ phẫu thuật vô trùng	Vải không dệt PP màu xanh trọng lượng $\leq 14\text{g/m}^2$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	10.000	
126	N10	Khẩu trang giấy y tế 3 lớp tiệt trùng	2 lớp vải không dệt PP + 1 lớp giấy kháng khuẩn, dây đeo tai, nẹp mũi	Cái	80.000	



	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			- màu xanh, trắng, xám - ISO 13485:2016;			
127	N10	Pipet nhựa 3ml	Chất liệu nhựa y tế LDPE, mềm mại, có vạch chia từ 0.5ml. Chiều dài 160mm, dung tích lấy mẫu 3ml.	Chiếc/Cái	3.000	
128	N10	Giá đỡ ống nghiệm (nước tiêu)	Chất liệu Inox, giá gồm 20 lỗ.	Chiếc/Cái	30	
129	N10	Pipet man 50-200	Micro Pipet có dải đo từ 50-200 $\mu$ m	Chiếc/Cái	1	
130	N10	Pipet man 100-1000	Micro Pipet có dải đo từ 100 $\mu$ l đến 1000 $\mu$ l	Chiếc/Cái	1	
131	N10	Thuốc nhuộm Gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai $\geq$ 250ml, Lugol chai $\geq$ 250ml, Decolor (alcohol-acetone) chai $\geq$ 250ml và Safranin chai $\geq$ 250ml, có vòi bơm.	Bộ	5	
132	N10	Thuốc nhuộm Ziehl-Neelsen	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Ziehl Neelsen tìm trực khuẩn kháng acid. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbon Fuchsin, Alcohol acid và Methylen Blue.	Bộ	1.000	
133	N10	Dầu soi kính hiển vi	Dung dịch dầu trong suốt, sánh, đặc, thích hợp cho các loại kính hiển vi.	ml	1.000	
134	N10	Composite (3M)	Lực co rất thấp với công nghệ hạt độn nano Tính ổn định cao và bền màu. Màu sắc tự nhiên giống như răng thật Đóng tuýp $\geq$ 4g.	Tuýp	10	
135	N10	Đai trám	Đai trám	Cái	10	
136	N10	Tăm bông nha khoa	Cán bằng nhựa, đầu phủ sợi bông thấm dịch tốt.	Hộp	10	
137	N10	Chỉ co nướu	Được làm từ 100% cotton, đan từ hàng ngàn vòng tròn nhỏ tạo thành một chuỗi kết nối nhau	Lọ	5	



Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	
138	N10	Chổi đánh bóng	Chổi đánh bóng nha khoa hay còn gọi là chổi cước được sử dụng trong việc đánh bóng lại bề mặt răng	Cái	30	
139	N10	Bột đánh bóng	Dạng bột nhão, loại hạt thô hoặc mịn. Đóng gói $\geq 2g$ .	Cốc	20	
140	N10	Axít etching	Là acid xoi mòn Phosphoric $\leq 37\%$ dạng gel có độ nhớt cao, giúp đặt chính xác vào vị trí cần xoi mòn và không chảy vào các khu vực không muốn xoi mòn	Ống	10	
141	N10	Bộ đồ khám cho 01 bệnh nhân: 01 cán gương, 01 mặt gương, 01 thám châm, 01 nĩa gấp	Bộ đồ khám gồm: gương, thám châm, kẹp gấp, mâm.	Bộ	3	
142	N10	Cây bóc tách lợi	Chất liệu thép không gỉ. Cây bóc tách 1 đầu hoặc 2 đầu.	Chiếc	2	
143	N10	Cây tạo hình Composite	Cây tạo hình Composite	Cái	7	
144	N10	Gel siêu âm	Không gây ra dị ứng, không gây kích ứng da, không chứa dầu, không chứa formaldehyde và muối, đảm bảo không gây hại, không có mùi hôi.	Lít	1.000	
145	N10	Bộ Ambu bóp bóng	Chất liệu: Silicone, PVC, loại dùng 1 lần. Van giới hạn áp suất: 60cmH <sub>2</sub> O. Thẻ tích hồi sức: 1650ml; thẻ tích túi chứa: 2000ml. Đầu nối bệnh nhân: $\phi 22 / 15mm$ . Bộ gồm: Túi trữ khí oxy, mặt nạ PVC và ống dẫn oxy, không chứa latex.	Cái	10	



Mã số theo nhóm TT (Theo TT 04/2017)		Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	N10	Bộ đặt nội khí quản (5 lưỡi)	Bộ gồm 5 lưỡi (từ số 0 đến số 4), chất liệu bằng thép không gỉ, bề mặt được đánh bóng.	Bộ	3	
147	N10	Bộ thay băng cắt chỉ chi tiết	Bộ gồm: Hộp chữ nhật inox (kích thước tối thiểu: 22 x 11 x 5cm), trong hộp đựng 4 chi tiết: 1 Nĩa không máu 16cm; 1 Nĩa có máu 16cm; 1 Panh cong không máu 18cm và 1 Bát đựng dung dịch $\phi$ 8cm.	Bộ	6	
148	N10	Bộ tiểu phẫu 11 chi tiết	Bộ gồm: Hộp chữ nhật inox (kích thước tối thiểu: 20 x 10 x 5cm), trong hộp đựng 11 chi tiết: 1. Cán dao số 4; 2. Lưỡi dao 15; 3. Lưỡi dao 23; 4. Panh thẳng không máu 13 cm; 5. Kéo cong 14 cm; 6. Panh cong có máu 14 cm; 7. Kẹp kim 14 cm; 8. Kéo 2 tù 14 cm; 9. Kéo 1 tù 1 máu 12 cm; 10. Nhíp adson không máu 12 cm; 11. Nhíp cong 12 cm.	Bộ	7	
149	N10	Bộ tiểu phẫu 6 chi tiết	1 Bộ gồm: Hộp tiểu phẫu 1 cái, kẹp phẫu tích có máu 1 cái, kéo cắt thẳng 1 cái, đèn lưỡi inox 1 cái, nĩa có máu 1 cái, dao mổ 1 cái	Bộ	7	
150	N10	Kéo cắt bông, gạc	Kéo cắt thuốc, bông, gạc, chất liệu thép không gỉ. Kích thước: từ 18cm đến 23cm.	Cái	5	
151	N10	Kéo thẳng tù 16cm	Chất liệu thép không gỉ, kéo tù. Kích thước 16cm.	Cái	10	
152	N10	Kéo thẳng tù 18cm	Chất liệu thép không gỉ, kéo tù. Kích thước 18cm.	Cái	11	
153	N10	Kéo thẳng nhọn 16cm	Chất liệu thép không gỉ, kéo nhọn. Kích thước 16cm.	Cái	6	
154	N10	Kéo thẳng nhọn 20cm	Chất liệu thép không gỉ, kéo tù. Kích thước 20cm.	Cái	5	
155	N10	Kéo cong nhọn 18cm	Chất liệu thép không gỉ, kéo cong, nhọn. Kích thước 18cm.	Cái	17	



	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
156	N10	Kéo thẳng 1 đầu tù, 1 đầu nhọn 20cm	Chất liệu thép không gỉ, 1 đầu nhọn, 1 đầu tù. Kích thước 20cm.	Cái	5	
157	N10	Kéo phẫu thuật cong 18cm	Chất liệu thép không gỉ, kéo cong. Kích thước 18cm.	Cái	10	
158	N10	Kéo cắt chỉ	Chất liệu thép không gỉ. Kích thước: $\geq 10$ cm.	Cái	10	
159	N10	Kìm găm xương	Chất liệu thép không gỉ. Kích thước: $\geq 19$ cm.	Cái	2	
160	N10	Kìm cắt xương	Chất liệu thép không gỉ. Kích thước: $\geq 10$ cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	1	
161	N10	Kìm giữ xương to	Kẹp giữ xương có ốc cố định trung tâm, chất liệu bằng thép không gỉ. Kích thước: $\geq 24$ cm.	Cái	2	
162	N10	Panh tiêm	Chất liệu thép không gỉ. Kích thước: $\geq 25$ cm.	Cái	11	
163	N10	Panh thẳng không máu 18cm	Chất liệu thép không gỉ, panh thẳng, không máu. Kích thước 18cm.	Cái	13	
164	N10	Panh cong không máu 20cm	Chất liệu thép không gỉ, panh cong, không máu. Kích thước 20cm.	Cái	50	
165	N10	Phẫu tích có máu 18cm	Chất liệu thép không gỉ, có máu. Kích thước 18cm.	Cái	19	
166	N10	Phẫu tích không máu 20cm	Chất liệu thép không gỉ, không máu. Kích thước 20cm.	Cái	14	
167	N10	Phẫu tích không máu 18cm	Chất liệu thép không gỉ, không máu. Kích thước 18cm.	Cái	10	
168	N10	Bộ hồi sức sơ sinh	Bộ gồm: 01 bóp bóng sơ sinh; 01 ống hút nhót; 01 dây nối ống hút; 01 đầu nối ống hút; 01 hộp chữ nhật inox	Bộ	2	
169	N10	Bộ đặt thông tĩnh mạch rôn	Bộ gồm: Dao mổ 1 cái, kéo cắt 1 cái, kẹp răng cưa 2 cái, kẹp không răng cưa 1 cái, kẹp kelly cong 1 cái, chỉ khâu, kim khâu, gạc, Vải vô trùng, cốc inox, băng dính, dây buộc rôn.	Bộ	2	

STT	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
170	N10	Bộ chích chấp lẹo	Bộ gồm: 1 thìa nạo trẻ em, 1 thìa nạo người lớn, 1 kẹp chấp người lớn, 1 kẹp chấp trẻ em.	Bộ	2	
171	N10	Gel bôi trơn KY	Gel trong suốt, không màu, không mùi và không gây kích ứng, tan trong nước, độ pH 5,0 ± 0,5.	Tuýp	300	
172	N10	Giấy điện tim 6 cần có dòng kẻ	Kích thước: 110mm x 140mm, có dòng kẻ. Tương thích với máy điện tim 6 cần.	Tập	2.000	
173	N10	Giấy điện tim 3 cần có dòng kẻ	Kích thước: 8cm x 20m, có dòng kẻ. Tương thích với máy điện tim 3 cần.	Tập	1.500	
174	N10	Giấy in ảnh siêu âm đen trắng	Kích thước tối thiểu: Rộng: 110mm x Dài 20m/ cuộn	Cuộn	500	
175	N10	Nhiệt kế thủy ngân	Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân. Phạm vi đo: 32- 42°C.	Cái	500	
176	N10	Huyết áp, tai nghe	Bộ gồm: 01 túi đựng máy, 01 đồng hồ đo, 01 quả bóp, 01 băng cuộn, 01 ống nghe. Khoảng đo: từ 0 đến 300 mmHg.	Bộ	50	
177	N10	Bộ huyết áp trẻ em	Bộ gồm: 01 Túi hơi, 01 Đồng hồ đo, 01 Quả bóp bóng kèm van xả, 01 Túi đựng máy, 01 Ống nghe. Khoảng đo: từ 20 đến 300mmHg.	Bộ	2	
178	N10	Cọc truyền	Chất liệu bằng inox 201, không gỉ. Kích thước: Cao 1200 – 2000 mm.	Cái	50	
179	N10	Túi cứu thương	Túi cứu thương chuyên dụng y tế, kích thước 35cm x 22cm x 22cm. Có dây đeo.	Cái	10	
180	N10	Khay chữ nhật	Khay đựng dụng cụ hình chữ nhật, chất liệu bằng thép không gỉ. Kích thước tối thiểu (dài x rộng): 30cm x 20cm.	Cái	20	
181	N10	Dụng cụ giữ xương, kẹp sãng có chốt	Chất liệu bằng thép không gỉ. Kích thước: từ 16cm đến 21cm.	Cái	2	

STT	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
182	N10	Viên khử khuẩn PRESEPT 2,5g	Dạng viên sủi để khử khuẩn. Thành phần: Troclosense Sodium 2,5g.	Viên	500	
183	N10	Hộp đựng bông cotton	Hộp hình tròn, chất liệu bằng Inox, đường kính từ 8-10cm	Hộp	50	
184	N10	Băng keo chỉ thị nhiệt 3M (hấp ướt) 24mm	Băng keo chỉ thị nhiệt dùng cho tiệt trùng ướt. Kích thước: từ 18mm đến 24mm.	Cuộn	20	
185	N10	Test chỉ thị hóa học 3M (1243A)	Test hóa học kiểm soát tiệt trùng bằng hơi nước/ Test hóa học kiểm soát tiệt trùng bằng hơi nước	Cái	1.000	
186	N10	Hộp hấp tròn inox 35x30cm	Hộp hình tròn, chất liệu thép không gỉ, đường kính từ 30- 35cm.	Hộp	10	
187	N10	Keo dán Composite	Keo dán hóa học vững chắc với ngà và men, có thể làm ngưng dịch luân chuyển vào ống ngà và ngăn chặn sự ê buốt, nhạy cảm'Keo dán quang trùng hợp, thể hệ thứ 5 Chất kết dính chiếu đèn	Lọ	5	
188	N10	Xốp cầm máu	Vật liệu cầm máu tự tiêu 5cm x 7cm x 1cm	Hộp	5	
<b>Tổng số 188 mặt hàng./.</b>						

